

Số: 696 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân huyện A Lưới

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệt kê thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 13/TTr-BDT ngày 22 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực dân tộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân huyện A Lưới (Phần I. Danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Ban Dân tộc có trách nhiệm: Cập nhật thủ tục hành chính được công bố vào Hệ thống thông tin thủ tục hành chính tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy

định; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; hoàn thành việc cấu hình TTHC trên phần mềm hệ thống xử lý dịch vụ công tập trung; Niêm yết, công khai theo quy định thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định này; Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Quyết định này (*Phần II. Nội dung thủ tục hành chính*).

2. Ủy ban nhân dân huyện A Lưới có trách nhiệm: Niêm yết công khai thủ tục hành chính này tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của địa phương; Hoàn thành việc cấu hình thủ tục hành chính trên phần mềm hệ thống xử lý dịch vụ công tập trung; Triển khai thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Quyết định này (*Phần II. Nội dung thủ tục hành chính*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 4 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Giám đốc các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện A Lưới, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- Ủy ban Dân tộc;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã có đồng bào DTTS;
- Trung tâm PVHCC, Công TTĐT; CV: GD;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC DÂN TỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA BAN DÂN TỘC VÀ UBND HUYỆN A LƯỚI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

(Kèm theo Quyết định số 696 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (đồng)	Địa điểm và Cách thức thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý	14 ngày làm việc. Trong đó: - 03 ngày làm việc tại UBND huyện A Lưới; - 03 ngày làm việc tại Ban Dân tộc tỉnh; - 05 ngày làm việc tại Hội đồng tổ chức thẩm định; - 03 ngày làm việc tại UBND tỉnh hoặc UBND huyện A Lưới (khi được ủy quyền).	Không	- Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công huyện A Lưới. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) Trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công huyện A Lưới để chuyển đến Ban Dân tộc.	Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND huyện A Lưới; Ban Dân tộc. - Cơ quan/ Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh hoặc Chủ tịch UBND huyện A Lưới (khi được ủy quyền).

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC DÂN TỘC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BAN DÂN TỘC VÀ UBND HUYỆN A LƯỚI

1. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý

a) Trình tự thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện A Lưới thông báo về việc lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết dự án được liệu quý. Đơn vị chủ trì liên kết nộp 03 (ba) bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân huyện A Lưới (thông qua Trung tâm hành chính công huyện).

2. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thông báo lựa chọn đơn vị chủ trì liên kết, Ủy ban nhân dân huyện A Lưới tổng hợp hồ sơ gửi đến Ban Dân tộc tỉnh. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Dân tộc tỉnh trình Hội đồng thẩm định.

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

4. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, nếu dự án đủ điều kiện thì Hội đồng thẩm định có Tờ trình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân huyện A Lưới phê duyệt dự án theo Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Trường hợp dự án không đủ điều kiện thì phải có văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện A Lưới, vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 và sáng thứ 7 (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định); sáng: từ 08h00 đến 11h00; chiều: từ 13h30 đến 16h30;

- Nộp qua dịch vụ Bru chính công ích đến Trung tâm Hành chính công huyện A Lưới;

- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh của tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Giấy đề nghị của đơn vị chủ trì liên kết (bản chính) theo Mẫu số 01.

- Thuyết minh dự án được liệu quý (bản chính) theo Mẫu số 02.

- Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (bản chính) theo Mẫu số 03.

- Lý lịch của chủ nhiệm dự án (bản chính) theo Mẫu số 04.

- Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có) (bản chính) theo Mẫu số 05.

- Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên tham gia thực hiện (nếu có) (bản chính) theo Mẫu số 06.

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án được liệu

quý (bản chính) theo Mẫu số 07.

- Số lượng hồ sơ: 03 (ba) bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 14 (mười bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trong đó: 03 ngày làm việc tại UBND huyện A Lưới; 03 ngày làm việc tại Ban Dân tộc tỉnh; 05 ngày làm việc tại Hội đồng tổ chức thẩm định; 03 ngày làm việc tại UBND tỉnh hoặc UBND huyện A Lưới (khi được ủy quyền).

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Chủ tịch UBND huyện được ủy quyền

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân huyện A Lưới và Ban Dân tộc.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đầu tư hỗ trợ vùng trồng được liệu quý (Mẫu số 08)

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị của đơn vị chủ trì liên kết (bản chính) theo Mẫu số 01.

- Thuyết minh dự án được liệu quý (bản chính) theo Mẫu số 02.

- Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các thành viên liên kết (bản chính) theo Mẫu số 03.

- Lý lịch của chủ nhiệm dự án (bản chính) theo Mẫu số 04.

- Tóm tắt hoạt động của Tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ (nếu có) (bản chính) theo Mẫu số 05.

- Phương án vay vốn của chủ trì liên kết và từng thành viên tham gia thực hiện (nếu có) (bản chính) theo Mẫu số 06.

- Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết dự án (bản chính) theo Mẫu số 07.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

..... ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án được liệu quý

Kính gửi: UBND huyện

Chủ trì liên kết dự án (hoặc chủ đầu tư dự án):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax: Email:

Căn cứ kế hoạch triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị..... (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Dự án Vùng trồng được liệu quý: (tên dự án)

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô dự án

4. Tổng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi)

5. Thời gian thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng trồng được liệu
cao

2. Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng được liệu ứng dụng công nghệ

cao

3. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước

4. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở chế biến được liệu quý ...

5. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý ..
7. Hỗ trợ trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ
8. Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh
9. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng
10. Hỗ trợ chi phí chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi
11. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm

Chi tiết các năm đề nghị đầu tư, hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (*tên chủ trì liên kết*) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định phê duyệt đầu tư, hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN (HOẶC
CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN)**
(*Ký, ghi họ tên, đóng dấu*)

MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ
(*Ghi cụ thể tên dự án dược liệu quý đề xuất thực hiện*)

CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.1. Đơn vị chủ trì liên kết dự án:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

1.2. Thành viên tham gia liên kết (*liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết*)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

c)(*liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết*)

1.3. Số lượng hộ gia đình tham gia liên kết (*đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết*)

- Tên chủ hộ:..... Ngày sinh Dân tộc

- Số thẻ căn cước công dân: ngày cấp nơi cấp

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

- Tên dự án:

- Địa điểm thực hiện triển khai dự án (*liệt kê đầy đủ các địa điểm triển khai dự án*):

- Tổng diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến:

- Tổng mức đầu tư: VNĐ (số tiền bằng chữ: đồng.)

+ Vốn ngân sách nhà nước VNĐ

+ Vốn của chủ trì liên kết: VNĐ

+ Vốn của từng thành viên tham gia liên kết: VNĐ

+ Vốn tín dụng ưu đãi: VNĐ (*của chủ trì liên kết và của từng thành viên liên kết*)

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác: VNĐ

- Công suất thiết kế và sản phẩm/dịch vụ cung cấp:

III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng; chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển dược liệu gắn với phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, huyện nơi triển khai dự án dược liệu.

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích mức độ cần thiết của dự án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN

5.1. Mục tiêu chung

5.2. Mục tiêu cụ thể

CHƯƠNG II. ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng dự án

1.3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội Huyện, Xã nơi triển khai dự án

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

2.1. Nhu cầu thị trường dược liệu

2.2. Tình hình phát triển cây dược liệu ở địa phương

2.3. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án

III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án

3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư

IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

4.1. Địa điểm xây dựng

4.2. Hình thức đầu tư

V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

5.1. Nhu cầu sử dụng đất

5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án

5.3. Các nội dung khác

CHƯƠNG III. PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

I. PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

II. KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG / TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU THEO GACP-WHO

2.1. Khái quát về cây dược liệu (*giới thiệu về nguồn gen, nguồn gốc giống, bảo tồn lưu giữ, nguồn gen, chọn tạo giống, sản xuất giống gốc, giống thương phẩm, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, thu hái, bảo quản...*)

2.2. Nội dung chủ yếu nuôi trồng dược liệu đạt GACP-WHO (*theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*)

III. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG TƯỚI TIÊU VÀ VƯỜN ƯƠM

3.1. Hệ thống tưới tiêu

3.2. Hệ thống vườn ươm

3.3. Hệ thống đồng ruộng

3.4. Hệ thống kỹ thuật, công nghệ khác (nếu có)

IV. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ, CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN DƯỢC LIỆU

4.1. Quy trình công nghệ sơ chế, chế biến sau thu hoạch

4.2. Quy trình công nghệ, chế biến, sản xuất dược liệu đạt GMP (theo hướng dẫn Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc)

4.3. Quy trình công nghệ bảo quản dược liệu đạt GSP (theo hướng dẫn Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc)

CHƯƠNG IV. CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

1.1. Chuẩn bị mặt bằng

1.2. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư:

1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1.4. Giải pháp thiết kế mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật

1.5. Phương án tổ chức thực hiện

1.6. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý

1.7. Các giải pháp khác (nếu có)

II. NỘI DUNG LIÊN KẾT CỦA DỰ ÁN

2.1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dược liệu từ dự án Trung tâm giống với dự án vùng trồng dược liệu (thuộc dự án dược liệu quý)

2.2. Sản phẩm dược liệu quý thực hiện liên kết:

2.3. Quy mô liên kết:

2.4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

2.5. Hình thức liên kết:

2.6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

2.7. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

2.8. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

CHƯƠNG V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.

III. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình

3.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN VỀ QUY MÔ, CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

V. BIỆN PHÁP GIÁM THIỂU MÔI TRƯỜNG

5.1. Giai đoạn xây dựng dự án

5.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

VI. KẾT LUẬN

CHƯƠNG VI. VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.

1.1. Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn của dự án

(Các nội dung tổng mức đầu tư, chi phí xây, lắp đặt, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và dự phòng phí - giải trình các khoản đầu tư)

1.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của từng thành viên liên kết tham gia dự án (vốn ngân sách nhà nước, vốn chủ trì liên kết, vốn thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi)

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

2.1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

- Hỗ trợ cho thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án (cụ thể chi tiết địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian, phương án bảo vệ môi trường rừng,...)

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)...

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,)

- Hỗ trợ chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...)

2.2. Đối ứng của thành viên tham gia liên kết

2.3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số kinh phí xin hỗ trợ

2.4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết)

III. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.

3.1. Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của dự án.

3.1.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án.

3.1.2. Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của dự án:

3.1.3. Các chi phí đầu vào của dự án:

3.1.4. Phương án vay vốn (vốn vay tín dụng ưu đãi tại ngân hàng chính sách xã hội, vốn vay tại các Tổ chức tín dụng khác)

3.1.5. Các thông số tài chính của dự án (Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu, Phân tích theo phương pháp hiện giá thuần - NPV, Phân tích theo tỷ suất hoàn vốn nội bộ - IRR)

3.2. Tác động của dự án đối với xã hội (Chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập,

đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương)

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch, tiến độ dự kiến cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Chi tiết các nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm và kinh phí dự kiến)

2.1. Tổ chức thực hiện của chủ trì liên kết.

2.2. Tổ chức thực hiện của các thành viên liên kết (liệt kê tất cả của từng thành viên liên kết)

III. KIẾN NGHỊ

(Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế).

Ngày....tháng....năm 20...

Đơn vị quản lý dự án

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày....tháng....năm 20...

Đơn vị chủ trì dự án

(Ký tên, đóng dấu)

HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:				
2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình sản xuất, kinh doanh (minh chứng các lĩnh vực liên quan đến dự án đề xuất)				
3. Tổng số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức - Tiến sỹ: - Thạc sỹ: - Đại học: - Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật:				
4. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc tiếp nhận và triển khai công nghệ của Tổ chức chủ trì liên kết và Chủ nhiệm dự án (nêu thành tựu cụ thể trong tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)				
5. Cơ sở vật chất kỹ thuật và những lợi thế để thực hiện dự án - Nhà xưởng, điều kiện về mặt bằng triển khai dự án: - Thiết bị máy móc sẵn có phục vụ cho việc triển khai dự án:				
6. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) để thực hiện dự án - Vốn tự có:triệu đồng. - Vốn vay tại Ngân hàng chính sách xã hội (nếu có)..... triệu đồng. - Vốn vay tại các tổ chức tín dụng khác:triệu đồng. - Nguồn vốn khác:triệu đồng.				
7. Năng lực tài chính				
stt	Nội dung	Năm	Năm	Năm
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Tổng nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			

7	Lợi nhuận sau thuế			
8	Các nội dung khác (nếu có)			

8. Các giấy tờ kèm theo chứng minh năng lực

8.1. Hồ sơ pháp lý

- Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

(i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

(ii) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

(iii) Điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác.

(iv) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

(v) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người làm chủ nhiệm dự án và lý lịch cá nhân chủ nhiệm dự án (Mẫu số 04).

(vi) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của thành viên đại diện hộ gia đình đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác có quy định).

- Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

8.2. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh (của chủ trì liên kết/hoặc liên danh của chủ trì liên kết)

- Báo cáo tài chính tối thiểu 02 năm hoặc báo cáo gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm, gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong năm kế hoạch trong thời gian vay vốn.

8.3. Danh sách sử dụng lao động đến thời điểm thực hiện dự án bao gồm: Tên lao động, số CCCD, Dân tộc, Loại hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng lao động.

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ /THÀNH VIÊN LIÊN KẾT DỰ ÁN

LÝ LỊCH CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

A. Thông tin chung về cá nhân chủ trì dự án			
Họ và tên:			
Ngày tháng năm sinh:			
Nam, nữ:			
Địa chỉ			
Điện thoại:	CQ:	NR:	Mobile:
Fax:	Email:		
Chức vụ:			
B. Trình độ đào tạo			
1. Trình độ chuyên môn			
Học vị/học hàm:			
Năm nhận bằng:			
Chuyên ngành đào tạo:			
Quá trình, nơi và chuyên ngành đào tạo:			
2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành			
Lĩnh vực:			
Năm:			
Nơi đào tạo:			
C. Kinh nghiệm về quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và tiếp nhận, triển khai công nghệ			
Số năm kinh nghiệm:			
Số dự án đã chủ trì tiếp nhận và triển khai:			
TT	Tên dự án	Tên tổ chức chủ trì	Năm bắt đầu-kết thúc
1.			
2.			
D. Thành tựu hoạt động trong công tác tổ chức tiếp nhận, chuyển giao, triển khai công nghệ và sản xuất kinh doanh khác			

** Chủ nhiệm dự án cần đáp ứng các tiêu chí sau:*

- a. Là người lao động thuộc Tổ chức chủ trì liên kết dự án.*
- b. Có trình độ từ cao đẳng trở lên.*
- c. Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp.*
- d. Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác đối với người có trình độ đại học trở lên và ít nhất 05 năm đối với người có trình độ cao đẳng, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.*

**CƠ QUAN NƠI LÀM VIỆC CỦA
CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN**
(xác nhận và đóng dấu)

..... ngày tháng năm

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC HỖ TRỢ
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ**

<p>1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....</p>
<p>2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình hoạt động công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến dự án:</p>
<p>3. Xác nhận về các quy trình cần hỗ trợ ứng dụng công nghệ:</p>
<p>4. Tổng số cán bộ có trình độ từ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiến sỹ: - Thạc sỹ: - Đại học:
<p>5. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến các quy trình công nghệ cần chuyển giao của các cán bộ trực tiếp tham gia dự án (nêu lĩnh vực chuyên môn, số năm kinh nghiệm, thành tựu tiếp nhận, triển khai và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)</p>

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
(ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
Tham gia Dự án được liệu quý

Kính gửi: - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Tên cơ sở sản xuất kinh doanh:
2. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:
- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:
- Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Giấy ủy quyền (nếu có) số ngày .../.../..... của
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại:
6. Mã số thuế:
7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
Do Cấp ngày
8. Quyết định thành lập số¹:
9. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư² số:
Do Cấp ngày
10. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề³ số:
..... thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm)
11. Tài khoản thanh toán số: tại Ngân hàng
12. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp:

¹ Đối với tổ chức được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

² Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.

³ Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định.

II. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh

- a) Thông tin chung về ngành nghề sản xuất kinh doanh:
- b) Hiện trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật:.....
- Văn phòng, chi nhánh, cửa hàng kinh doanh (diện tích, địa chỉ):
- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, địa chỉ, tình trạng hoạt động):
- Trang thiết bị, phương tiện, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):
- Đất sản xuất (diện tích, địa chỉ):
- Cây trồng, vật nuôi (số lượng, giá trị):

-

2. Tóm tắt tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày /.../20....:

-Vốn chủ sở hữu: đồng

- Nợ phải thu: đồng

- Hàng tồn kho: đồng

- Nợ phải trả: đồng

Trong đó, dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng: đồng

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)

Tổng dư nợ: đồng, trong đó: nợ quá hạn: đồng. Cụ

thể:

+ Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn:

đồng;

+ Dư nợ chương trình: đồng, trong đó: nợ quá hạn:

đồng.

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

STT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBĐ, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

c) Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

- Năm

+ Tổng doanh thu: đồng

+ Tổng chi phí: đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp: đồng

+ Lợi nhuận: đồng

- Năm

+ Tổng doanh thu: đồng

+ Tổng chi phí:

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:

+ Lợi nhuận:

3. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có:..... lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là người (chiếm% tổng số lao động).

III. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

1. Tên phương án vay vốn:

- Địa điểm thực hiện phương án:

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng/20.... đến tháng/20....

- Thông tin Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý/ Dự án trung tâm nhân giống khách hàng tham gia (sau đây gọi tắt là Dự án):

+ Tên Dự án:

- + Địa điểm thực hiện:
- + Tổng vốn đầu tư:
- + Thời gian thực hiện:
.....
.....
.....
- + Mô tả sơ lược về Dự án (sản phẩm, quy trình, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thị trường,...):
- + Vai trò, vị trí của khách hàng trong Dự án:
- + Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

2. Tóm tắt nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

- a) Phương án vay vốn tham gia Dự án được liệt⁴
- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo:
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo:
 - Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:
 - + Diện tích mở rộng, cải tạo:
 - + Chi phí mở rộng, cải tạo:
 - Đầu tư trang thiết bị:
 - + Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - + Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):
 - Đầu tư khác:

b) Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia: lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là người (chiếm% tổng số lao động).

c) Tổng nguồn vốn thực hiện phương án và cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng. Trong đó:

- Vốn tự có: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại NHCSXH: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn vay tại các TCTD khác: đồng, tỷ lệ:%;
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): đồng, tỷ lệ %;
- Vốn huy động khác: đồng, tỷ lệ:%.

d) Hiệu quả kinh tế của phương án (theo số năm thực hiện phương án)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm ...	Năm
1	Tổng doanh thu			
2	Tổng chi phí			
	<i>Trong đó: khấu hao</i>			
3	Thuế TNDN			
4	Lợi nhuận			

Thời gian dự kiến hoàn vốn: tháng/20.....

IV. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để thực hiện phương án vay vốn tham gia Dự án được liệt kê, cụ thể như sau:

1. Số tiền vay: đồng
(Bằng chữ:)
2. Mục đích vay:
3. Thời hạn vay: tháng.
4. Lãi suất vay:%/năm.
5. Trả gốc theo định kỳ: tháng/lần.
6. Trả lãi theo định kỳ: hằng tháng.
7. Nguồn và kế hoạch trả nợ (theo số năm vay vốn)

TT	Chi tiêu	Năm	Năm
1	Nguồn từ phương án			
a	Khấu hao			
b	Lợi nhuận			
2	Nguồn khác			
3	Tổng nguồn trả nợ			

8. Dự kiến tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản

V. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp⁵; cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nếu có thay đổi các thông tin liên quan trong quá trình vay vốn.

2. Việc ký kết, thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của bên vay vốn cũng như các cam kết, thỏa thuận giữa bên vay vốn và bất kỳ chủ thể nào khác.

3. Tuân thủ các quy định về cho vay, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích, đúng đối tượng, trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch.

5. Tài sản bảo đảm tiền vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực, xác nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật.

6. Tại thời điểm đề nghị vay vốn, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài./.

....., ngày ... tháng ... năm.....

Người đại diện vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

DANH MỤC TÀI LIỆU KÈM THEO PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

I. Hồ sơ pháp lý

1. Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

c) Điều lệ của pháp nhân hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân.

d) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

đ) Văn bản/tài liệu hợp lệ xác định cổ đông, thành viên góp vốn (nếu có).

e) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

2. Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu pháp nhân chấp thuận/phê duyệt cho pháp nhân vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của pháp nhân có quy định).

3. Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (nếu có), trong đó có nội dung ủy quyền về số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay vốn, tài sản bảo đảm.

II. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh của khách hàng

1. Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán của 02 năm gần nhất; hoặc tình hình tài chính quý gần nhất hoặc Báo cáo tài chính năm gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm.

2. Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay.

3. Bản chính kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong thời gian vay vốn.

4. Bản sao Hợp đồng kinh tế giữa khách hàng với các đối tác mua, bán hàng (nếu có).

III. Bản sao hồ sơ đề xuất tham gia Dự án của khách hàng

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN
DỰOC LIỆU QUÝ

Ngày tháng năm , tại ,
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail

3

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ CHỈ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN DỰOC LIỆU QUÝ: (tên đơn vị).

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN DỰOC LIỆU QUÝ

2.1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dựoc liệu từ dự án Trung tâm giống với dự án vùng trồng dựoc liệu (*thuộc nội dung dựoc liệu*)

2.2. Sản phẩm dựoc liệu thực hiện liên kết:

2.3. Quy mô liên kết:

2.4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

2.5. Hình thức liên kết:

2.6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN DỰOC LIỆU QUÝ:

..... (tổng các nguồn vốn được huy động của các thành viên liên kết tham gia để thực hiện dự án)

..... đồng, trong đó:

1. Tổng vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: đồng

-(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

-(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

2. Tổng vốn tự có của các bên tham gia liên kết: đồng

-(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

-(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

3. Tổng vốn vay (vốn vay tại NHCSXH + Vốn vay tại TCTD khác)

3.1 Vốn vay tại NHCSXH: đồng

-(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 -(tên đơn vị tham gia liên kết):đồng
- 3.2 Vốn vay tại TCTD khác: đồng
-(tên đơn vị tham gia liên kết):đồng
 -(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

3. Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án dựợc liệu. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án dựợc liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**CƠ QUAN RA NGHỊ
QUYẾT (QUYẾT ĐỊNH)
ĐẦU TƯ DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày tháng năm

Số:

**QUYẾT ĐỊNH
ĐẦU TƯ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN VÙNG TRỒNG DƯỠC LIỆU QUÝ**

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ các văn bản liên quan khác (nếu có);

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định dự án.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Điều 1. Phê duyệt Quyết định đầu tư, hỗ trợ dự án (Tên dự án) do Cơ quan (Tên cơ quan) quản lý dự án

1. Mục tiêu đầu tư:
2. Quy mô đầu tư:
3. Nhà đầu tư: Chủ trì liên kết và các bên tham gia liên kết (*Tên, địa chỉ, mức vốn đầu tư*):
4. Đối tượng tham gia dự án (...% người dân tộc thiểu số):
5. Tổng mức đầu tư dự án:
6. Cơ cấu nguồn vốn (*trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn theo từng nguồn: Vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi kèm Danh sách chi tiết*):
7. Địa điểm thực hiện dự án:
8. Thời gian thực hiện dự án:
9. Tiến độ thực hiện dự án:
10. Các nội dung dự án.
11. Tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:
12. Dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án:
13. Danh sách đối tượng đủ điều kiện thụ hưởng chính sách
14. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết.
15. Các nội dung khác có liên quan (*nếu có*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan (*Tên Cơ quan quản lý dự án*) chịu trách nhiệm:

a) Có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị Chủ trì liên kết thực hiện hoạt động hỗ trợ, triển khai dự án, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn ngân sách nhà nước dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung của dự án theo đúng quy định

b) Các nội dung khác (nếu có):

2. Nhiệm vụ của các cơ quan khác (*nếu có*):

a) Chủ trì liên kết:

b) Các bên tham gia liên kết:

3. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Cơ quan (*Tên Cơ quan quản lý dự án*) và các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết/Quyết định này.

2. Cơ quan (*Tên Cơ quan được phân công kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này*) chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo Cơ quan (*Tên Cơ quan quyết định đầu tư dự án*) theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- Cơ quan quyết định đầu tư dự án;
- Cơ quan thẩm định dự án /Hội đồng thẩm định đầu tư dự án;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

**TM. ỦY BAN NHÂN
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

